TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 161/2021/DS-PT
Ngày: 26 - 4 - 2021
V/v tranh chấp "Chia thừa kế và đòi quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ánh Phương**.

Các Thẩm phán: Bà **Trần Thị Kim Em**.

Bà **Nguyễn Thị Diệp Thúy**.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông **Lê Văn Giang**, Thư ký Tòa án.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang***: Ông **Nguyễn Tấn Bảo** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 19 và 26 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 71/2021/TLPT-DS ngày 23 tháng 02 năm 2021 về tranh chấp "Chia thừa kế và đòi quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 330/2020/DS-ST ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 76/2021/QĐ-PT ngày 26 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Dương Anh K,** sinh năm 1955 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Đ, xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư **Trần Thanh H,** thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Tiền Giang (có mặt).

2. Bị đơn: **Dương Hoài T,** sinh năm 1953 (có mặt).

HKTT: Số A đường P, phường B, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Địa chỉ: Ấp Đ, xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp cho bị đơn: **Phạm Ngọc D**, sinh năm 1972, là đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 08/02/2020 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp E, xã T, Thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. **Dương Thị Kim S,** sinh năm 1957 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3.2. **Dương Kim T,** sinh năm 1959 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Đ, xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3.3. **Dương Anh H,** sinh năm 1962 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Đ, xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3.4. **Dương Kim L,** sinh năm 1965 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp V, xã V1, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3.5. **Dương Thị Kim N,** sinh năm 1966 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã B1, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3.6. **Nguyễn Thị Thu O,** sinh năm 1959 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Đ, xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp của bà Oanh: **Dương Anh K,** sinh năm 1955, là đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 05/2/2020 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Đ, xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3.7. **Dương Thị Thu T,** sinh năm 1981 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Đ, xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3.8. **Dương Thị Thu H,** sinh năm 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Đ, xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp của T, H: **Dương Anh H,** sinh năm 1992 là đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 18/3/2020 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Đ, xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3.9. **Dương Anh H,** sinh năm 1992 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Đ, xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3.10. **Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang**.

Địa chỉ: Ấp C, thị trấn T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện hợp pháp: Ông **Huỳnh Văn Bé H**- Chức vụ: Chủ tịch, là đại diện theo pháp luật (vắng mặt).

4. *Người kháng cáo:* nguyên đơn **Dương Anh K** và bị đơn **Dương Hoài T**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm:

** Nguyên đơn ông Dương Anh K (ông Dương Anh K cũng là đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thu O) có ý kiến trình bày:*

Cha ông tên Dương Văn A, (sinh năm 1928, chết 1968), mẹ tên Nguyễn Thị

P, (sinh năm 1934, chết năm 2005). Cụ Avà cụ Pcó 7 người con gồm: Dương Hoài T, Dương Thị Kim S, Dương Kim T, Dương Anh H, Dương Kim L, Dương Thị Kim N, Dương Anh K.

Khi còn sống thì bà Pđược UBND huyện C tặng 01 căn nhà tình nghĩa theo Quyết định số 412 ngày 22/01/2003 của UBND huyện C. Căn nhà được tặng là loại nhà bán kiên cố (cột xi măng, vách tường, mái tôn lạnh, nền xi măng, cửa sắt) với diện tích 54m^2, trị giá 22.000.000 đồng. Trong đó, nhà nước hỗ trợ 15.000.000 đồng, 7.000.000 đồng do gia đình bỏ vào. Thời điểm này cụ Pđang ở với Dương Anh H, do diện tích đất nhỏ và nằm cặp lộ nên không cất nhà được nên UBND xã S có mời ông lên để vận động cho phần đất cho cụ Pcất nhà với diện tích 54m^2. Sau đó, ông có bàn với vợ ông và hai bên thống nhất đồng ý cho mẹ ông phần đất 54m^2 để xây cất căn nhà tình nghĩa. Khi xây cất thì bà T(thời điểm này bà Ttuy ở riêng nhưng là người nuôi dưỡng cụ P) đứng ra xây cất và bỏ kinh phí vào thêm (lót gạch men, sơn, tô tường,…) để xây cất căn nhà có diện tích 54m^2. Vào các năm 2004, 2008, 2010 bà T tiếp tục có sửa chữa và mở rộng căn nhà với tổng diện tích khoảng 90m^2 (gồm cả sân). Sau khi cụ Pchết thì bà Tlà người trực tiếp quản lý và sử dụng căn nhà. Hiện căn nhà tọa lạc trên phần đất 90m^2, loại đất ở thuộc thửa số 2942, tờ bản đồ số 2, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00402 do UBND huyện C cấp ngày 07/11/2006 do ông và bà Nguyễn Thị Thu O đứng tên và 01 phần diện tích của thửa số 1095 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0020212QSDĐ/ST do UBND huyện C cấp ngày 19/5/1997.

Nguồn gốc phần đất này là của cha mẹ, cha mẹ ông cho ông lúc còn sống, thời điểm này cha mẹ ông chưa đăng ký kê khai đất nên chưa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau này ông là người đăng ký nên được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau đó tách thêm 2 thửa mới để lên thổ cư là thửa 2941 và 2942 đứng tên vợ chồng ông, toàn bộ đất và cây trái trên đất là tài sản chung của vợ chồng ông, nên không đồng ý chia thừa kế đất cho bà T.

Nay ông yêu cầu nhận nhà và đồng ý hoàn lại mỗi người thừa kế 2.500.000đồng, yêu cầu giao trả toàn bộ diện tích đất theo thẩm định là 192,5m^2 thuộc thửa số 1095 và 90m^2 thửa 2942. Đồng ý hoàn lại giá trị bà Tđầu tư vào nhà và công trình phụ theo như định giá trừ đi giá trị 15.000.000 đồng của Nhà nước cấp là di sản cụ P.

** Bị đơn bà Dương Hoài T có đại diện theo ủy quyền là ông Phạm Ngọc D cùng có ý kiến trình bày:*

Thống nhất lời trình bày của nguyên đơn về hàng thừa kế của cụ Pvà cụ An, về việc xây cất nhà tình nghĩa cho cụ Plà đúng. Thời điểm cất nhà là do bà Tđứng ra xây cất và có bỏ vào chi phí 35.000.000 đồng với 15.000.000 đồng Nhà nước cho là 50.000.000 đồng.

Bà Tlà người trực tiếp chăm sóc cụ Pvà quản lý căn nhà như nguyên đơn trình bày. Quá trình sử dụng thì bà Tcó nhiều lần sửa chữa, cải tạo nhà, cụ thể là:

- Năm 2003, xây cất thêm 01 căn phòng diện tích 18m^2, chi phí là 18.000.000đồng.

- Năm 2007-2008, xây thêm hành lang nhà ngang 2,6m, dài 13m, chi phí là 18.000.000đồng.

- Năm 2015, gắn thêm khung sắt trên tường lửng và cửa sắt với chi phí là 19.500.000đồng.

- Năm 2019, sửa chữa lại căn nhà tình nghĩa (thay tôn, cửa sắt, làm thêm máng bê tông trước nhà), chi phí 25.000.000đồng.

Tất cả chi phí trên là tiền vật tư, chưa tính tiền công vì thực tế do con cháu xây cất dùm.

Đối với thửa đất 2941, 2942, 1095 hiện do ông Kvà bà Ođứng tên quyền sử dụng đất có nguồn gốc là của cụ Pthể hiện là cụ Pđứng tên quyền sử dụng đất theo sổ mục kê 299. Ông Kvà bà Ođứng tên không có sự đồng ý của cụ P. Do đó, xác định đây là di sản của cụ Pđể lại, vì vậy yêu cầu:

- Chia thừa kế theo pháp luật 90m^2 thuộc thửa 2942 và 288,0m^2 đất thuộc thửa 2941, 1.862,7m^2 đất thuộc thửa 1095 (phần diện tích ông Kđã chuyển nhượng cho ông H thì không tranh chấp) theo đo đạc thực tế. Yêu cầu được nhận phần diện tích bà Tđang quản lý, sử dụng gồm 192,5 m^2 đất thuộc thửa 1095, 90m^2 đất thuộc thửa 2942.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Ủy ban nhân dân huyện C đã cấp đối với các thửa đất 2941, 2942 và 1095. Đối với các thửa đất khác mà cụ Pđứng tên theo Sổ mục kê thì không tranh chấp trong vụ án này.

- Yêu cầu được nhận căn nhà, đồng ý bồi hoàn giá trị cho các đồng thừa kế.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Anh H trình bày:*

Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của cụ Dương Văn A và cụ Nguyễn Thị P (là cha và mẹ ông) để lại. Việc tranh chấp giữa ông Kvà bà T ông không tranh chấp, từ chối nhận thừa kế.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Dương Anh H, chị Dương Thi Thu Thúy, chị Dương Thị Thu H (chị Thúy, chị Hằng cùng ủy quyền cho anh H) cùng có ý kiến trình bày:*

- Thửa đất số 1095 diện tích 2.710m^2 đã được cấp cho ông Ktheo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 002021QSDĐ/ST do UBND huyện C cấp ngày 19/5/1997.

- Thửa đất số 2941, diện tích 288,2m^2 đất, loại đất ở nông thôn được tách từ thửa 1095 cấp cho hộ ông Ktheo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00401 do UBND huyện C cấp ngày 07/11/2006.

- Thửa đất số 2942, diện tích 90m^2 đất, loại đất ở nông thôn được tách từ thửa 1095 cấp cho hộ ông Ktheo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00402 do UBND huyện C cấp ngày 07/11/2006.

Thời điểm lên thổ cư 02 phần đất trên thì bà Pkhông có tên trong hộ khẩu.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị Kim N, bà Dương Kim L, bà Dương Thị Kim S, bà Dương Kim T cùng trình bày:*

Các bà là con ruột của cụ Dương Văn A và cụ Nguyễn Thị P. Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của cha và mẹ để lại. Đối với yêu cầu của ông Kyêu cầu chia thừa kế căn nhà và buộc bà Ttrả đất các bà không đồng ý vì ông Kđứng tên trên giấy đất không có sự đồng ý của mẹ các bà. Nhà tình nghĩa khi xây dựng chỉ được cấp 15.000.000 đồng, bà Tbỏ vào 25.000.000 đồng mới xây được căn nhà tình nghĩa. Sau đó bà Tcòn bỏ tiền ra sữa chữa nhà và làm thêm nhà, sân…Lúc cụ Pcòn sống thì bà Tlà người chăm sóc nuôi dưỡng cụ P, sau khi cụ Pmất thì bà Tlà người cúng giỗ cụ P, Cụ Acho đến nay. Do đó, cần phải giao nhà, đất cho bà Tquản lý, sử dụng, thờ cúng cha mẹ.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Tcác bà đồng ý và đồng ý nhường kỷ phần thừa kế lại cho bà T.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện C có đại diện theo pháp luật là ông Huỳnh Văn Bé Hcó ý kiến trình bày:*

Theo hồ sơ 299 thì phần đất tranh chấp là một phần thửa 1395 và theo hồ sơ bản đồ 1/5000 là một phần thửa 1095 do ông Kđứng tên và được Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Thửa 1095 tách thành thửa 2941 và 2942 và được Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Dương Anh K và bà Nguyễn Thị Thu O.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0020212 ngày 19/5/1997 cấp cho ông Dương Anh K là trong trường hợp kê khai cấp lần đầu và trong quá trình cấp giấy không có tranh chấp. Thửa 1095 mà ông Kđứng tên không phải là thửa 1378 trên sổ đăng ký và sổ mục kê ruộng đất mà bà Pđứng tên. Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Kiệt, bà Ođã thực hiện đúng trình tự thủ tục nên yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không có cơ sở.

Bản án sơ thẩm số 330/2020/DS-ST ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang căn cứ các Điều 166, 609, 612, 620, 649, 650, ,651, 660 Bộ luật Dân sự năm 2015; Các Điều 26, 166 Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Dương Anh K.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Dương Hoài T về việc yêu cầu chia thừa kế 1.862,7m2 đất, loại đất trồng cây lâu năm thuộc thửa số 1095; 288 m^2 đất, loại đất ở nông thôn thuộc thửa số 2941; 90m2 đất, loại đất ở nông thôn thuộc thửa số 2942 và yêu cầu hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 002021QSDĐ/ST do UBND huyện C cấp ngày 19/5/1997 đứng tên Dương Anh K; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00401 do UBND huyện C cấp ngày 07/11/2006 đứng tên Dương Anh K và bà Nguyễn Thị Thu O; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00402 do UBND huyện C cấp ngày 07/11/2006 đứng tên Dương Anh K và bà Nguyễn Thị Thu O.

Ghi nhận sự tự nguyện nhường kỷ phần thừa kế của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị Kim N, bà Dương Kim L, bà Dương Thị Kim S, bà Dương Kim T cho bà Dương Hoài T.

Chia cho bà Dương Hoài T 5/6 giá trị kỷ phần thừa kế của cụ Nguyễn Thị P là 12.500.000 đồng.

Chia cho ông Dương Anh K 1/6 giá trị kỷ phần thừa kế của cụ Nguyễn Thị P là 2.500.000 đồng.

Giao cho bà Dương Hoài T được quản lý, sử dụng, sở hữu các tài sản sau:

- 01 căn nhà chính có diện tích 73,26m^2 [(13,8m x 4,2m) + (5,1m x 3m)]. Kết cấu: Cột bê tông đúc sẵn, vách tường tô 2 mặt, nền gạch men, mái tôn sóng vuông.

- 01 căn nhà liên kế có diện tích 35,88m^2 (13,8m x 2,6m). Kết cấu: Cột sắt, nền gạch men, mái tôn.

- Sân xi măng có diện tích 37,44m^2 (4,8 x 7,8m).

- 02 cây xoài loại B2; 03 cây dừa loại A; 01 cây dừa loại B2.

- 192,5 m^2 đất, loại đất trồng cây lâu năm thuộc thửa số 1095, tờ bản đồ số 2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 002021QSDĐ/ST do UBND huyện C cấp ngày 19/5/1997 đứng tên Dương Anh K. Phần đất có tứ cận là:

+ Đông giáp thửa 1095;

+ Tây giáp thửa 1095;

+ Nam giáp thửa 1095;

+ Bắc giáp thửa 1095 và 2942.

- 90m^2 đất, loại đất ở nông thôn thuộc thửa số 2942, tờ bản đồ số 2, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00402 do UBND huyện C cấp ngày 07/11/2006 đứng tên Dương Anh K và bà Nguyễn Thị Thu O.

+ Đông giáp thửa 1095;

+ Tây giáp thửa 1095;

+ Nam giáp thửa 1095;

+ Bắc giáp thửa 1095.

Buộc bà Dương Hoài T hoàn lại 2.500.000 đồng giá trị kỷ phần thừa kế cho ông Dương Anh K.

Buộc bà Dương Hoài T hoàn lại 212.171.000 đồng giá trị giá trị đất và tài sản trên đất cho ông Dương Anh K và bà Nguyễn Thị Thu O.

Bà Tđược quyền đăng ký kê khai quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà theo qui định pháp luật.

Buộc bà Dương Hoài T hoàn lại 5.336.659 đồng chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản cho ông Dương Anh K.

Kể từ ngày người có quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành không trả khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/10/2020 và ngày 02/11/2020, nguyên đơn ông Dương Anh K và bị đơn bà Dương Hoài T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 330/2020/DS-ST ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang, yêu cầu tòa phúc thẩm giải quyết:

- Ông Kđồng ý hoàn giá trị kỷ phần cho các đồng thừa kế và trả khoản tiền cho bị đơn đã bỏ ra tu bổ căn nhà tình nghĩa để ông Kquản lý sử dụng căn nhà tình nghĩa.

- Bà Tyêu cầu chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bà, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm: nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, ông Kgiữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bà Trút một phần kháng cáo, chỉ yêu cầu chia thừa kế thửa đất 2042 và một phần thửa đất 1095 diện tích 192m^2, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Kiệt, bà Oanh. Các đương sự không có sự thỏa thuận với nhau việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn phát biểu: Căn nhà tình nghĩa được cất trên một phần thửa đất 2942 và 1095. Ông Kđược cấp quyền sử dụng đất thửa đất 1095 từ năm 1997, khi đó cụ Pcòn sống nhưng không có tranh chấp. Thửa 2942 được tách ra từ thửa 1095. Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của bị đơn cũng thừa nhận, bị đơn không cư ngụ tại thửa đất 2942, chỉ tới đây vào dịp đám giỗ. Do quyền sử dụng đất được cấp cho ông Knên cần giao căn nhà tình nghĩa và ông Khoàn lại giá trị di sản thừa kế cho bị đơn là phù hợp. Diện tích xây dựng nhà là 110m^2 nhưng Tòa án cấp sơ thẩm buộc nguyên đơn giao diện tích đất 282m^2 làm ảnh hưởng tới quyền lợi của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm chuẩn bị nghị án đều được tiến hành đúng theo trình tự thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ người tham gia tố tụng đúng luật định. Về quan điểm giải quyết vụ án, Kiểm sát viên nhận xét: đơn kháng cáo của các đương sự thực hiện đứng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nên cần được xem xét. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nhận thấy, quyết định của bản án sơ thẩm chưa đảm bảo quyền và lợi ích của các bên. Án sơ thẩm nhận định thửa đất 2942 không phải là di sản thừa kế là không chính xác vì năm 2003, vợ chồng ông Kđã đồng ý cho mẹ ông cất nhà tình nghĩa. Do nhà đất là một khối thống nhất nên cần xác định nhà đất đều là di sản thừa kế. Đồng thời, bà Tlà người có công sức trong việc quản lý, gìn giữ di sản nên bà cần được chia một phần công sức theo án lệ 05/2016/AL. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn. Xác định phần đất thửa 2942 và phần diện tích 192m^2 thửa 1905 là di sản thừa kế. Xác định thêm một kỷ phần thừa kế cho bà T. Ghi nhận sự tự nguyện của các đồng thừa kế giao phần di sản được hưởng cho bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe lời trình bày của các đương sự và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Người kháng cáo đã thực hiện quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo đúng trình tự thủ tục được quy định tại các Điều 271, 272, 273 và khoản 2 Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử tiến hành xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Dương

Anh H, Ủy ban nhân dân huyện C có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự xử vắng mặt các đương sự trên.

[2] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả quyền sử dụng đất, bị đơn có yêu câu phản tố chia thừa kế. Do đó, Tòa án sơ thẩm xác định tranh chấp "Đòi quyền sử dụng đất và chia thừa kế" là đúng với tính chất của vụ án và thuộc phạm vi, thẩm quyền xem xét giải quyết theo quy định tại khoản 3, 9 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Xét kháng cáo của ông Dương Anh K và bà Dương Hoài T:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Tyêu cầu rút một phần kháng cáo, yêu cầu chia thừa kế thửa đất 2042 và một phần thửa đất 1095 diện tích 192m^2 vì cho rằng hai phần đất này gắn liền với tài sản trên đất thuộc quyền sở hữu của cụ Pnên cũng là di sản của cụ. Hội đồng xét xử nhận thấy, quá trình giải quyết vụ án, ông Kđều thừa nhận, năm 2002, ông đồng ý cho mẹ ông một phần đất để Ủy ban nhân dân huyện C cất nhà tình nghĩa cho bà. Như vậy, giữa ông Kvà cụ Pđã thiết lập một giao dịch tặng cho quyền sử dụng đất. Mặc dù giao dịch này không lập thành văn bản nhưng các bên đã thực hiện trên thực tế. Ông Kđã giao đất cho cụ Pđể cụ được cất một căn nhà tình nghĩa và sinh sống tại đây cho đến khi qua đời. Theo điểm b.3, tiểu mục 2.3, mục 2 phần II, Nghị quyết 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2006, đang có hiệu lực vào thời điểm giao dịch tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Kvà cụ Pthực hiện, có hướng dẫn: "*Đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vi phạm điều kiện được hướng dẫn tại điểm a.4 và điểm a.6 tiểu mục 2.3 mục 2 này, nếu sau khi thực hiện hợp đồng chuyển nhượng, bên nhận chuyển nhượng đã trồng cây lâu năm, đã làm nhà kiên cố... và bên chuyển nhượng không phản đối và cũng không bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính theo các quy định của Nhà nước về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, thì Toà án công nhận hợp đồng*". Giao dịch tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Kvà cụ Pchỉ vi phạm về mặt hình thức theo hướng dẫn tại điểm a.6 tiểu mục 2.3 mục 2 của Nghị quyết nhưng cụ Pđã sử dụng đất được tặng cho để cất nhà tình nghĩa, bên ông Kkhông phản đối nên giao dịch tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Kvà cụ Pcần được công nhận. Về diện tích đất được tặng cho: mặc dù cụ Pđược Ủy ban nhân dân huyện C quyết định tặng căn nhà tình nghĩa diện tích 54m^2 nhưng trên thực tế phần đất ông Kđồng ý tặng cho cụ Pcất nhà có diện tích 73,26m^2 thuộc hai thửa: thửa 2942 có diện tích 43,3m^2, loại đất ở nông thôn và thửa 1095 với diện tích 29,96m^2, loại đất cây lâu năm; phần sân trước nhà có diện tích 16m^2 thuộc thửa 2942, loại đất ở nông thôn (theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 29/6/2020, bút lục 78-79). Do đó, cần xác định phần đất diện tích 89,26m^2 là di sản thừa kế của cụ Pmới phù hợp.

Như vậy, di sản của cụ Pđược xác định như sau:

Tiền xây nhà tình nghĩa là: 15.000.000 đồng;

Phần đất diện tích 89,26m^2, gồm:

- Phần đất thuộc thửa 2942: diện tích cất nhà diện tích 43,3m^2 và phần sân trước nhà 16m^2, tổng cộng là: 59,3m^2 X 800.000 đồng = 47.440.000 đồng;

- Phần đất thuộc 1095: diện tích cất nhà là 29,96m^2 X 700.000 đồng = 20.792.000 đồng.

Tổng giá trị đất = 47.440.000 đồng + 20.792.000 đồng = 68.232.000 đồng (theo biên bản định giá ngày 11/3/2020 (bút lục 70-73).

Tổng giá trị di sản của cụ P= 15.000.000 đồng + 68.232.000 đồng = 83.232.000 đồng.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Pgồm 7 người nhưng ông H từ chối nhận di sản nên di sản của cụ Pđược chia làm 06 phần là có căn cứ. Tuy nhiên, bà Tlà người trực tiếp nuôi dưỡng cụ P, là người có công trong việc gìn giữ, bảo quản di sản thừa kế nên cần xem xét tính công sức quản lý, giữ gìn di sản của bà Ttương ứng với một suất thừa kế theo pháp luật như Án lệ 05/2016/AL. Như vậy, di sản thừa kế của cụ Pđược chia làm làm 07 phần, mỗi suất thừa kế được chia: 83.232.000 đồng/7 = 11.890.285 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm ghi nhận sự tự nguyện của các đồng thừa kế gồm: bà Dương Thị Kim N, bà Dương Kim L, bà Dương Thị Kim S, bà Dương Kim T tặng cho bà Tsuất thừa kế mà các đương sự này được chia là có căn cứ. Do đó, chia cho bà Tdi sản của cụ Pvà một phần công sức quản lý, gìn giữ di sản tương đương 6 suất thừa kế là: 11.890.285 đồng X 6 = 71.341.714 đồng. Ông Kđược chia một suất di sản của cụ Ptrị giá 11.890.285 đồng.

Ông Kkháng cáo không đồng ý giao căn nhà cho bà T, yêu cầu hoàn giá trị kỷ phần cho các đồng thừa kế và trả khoản tiền cho bị đơn đã bỏ ra tu bổ căn nhà tình nghĩa để ông Kquản lý sử dụng căn nhà tình nghĩa. Xét yêu cầu này là không có căn cứ vì lý do sau: bà Tlà người trực tiếp cúng giỗ ông bà, khi cất nhà tình nghĩa, bà Tđưa thêm tiền thêm để cất căn nhà này mà không ai phản đối. Giá trị căn nhà tại thời điểm xét xử sơ thẩm là: 100.483.426 đồng (bút lục 70-73); Phần di sản bà Tđược nhận chiếm phần lớn khối di sản. Ngoài ra, ông Kkhông phản đối khi bà Tcất thêm các công trình quanh nhà tình nghĩa. Do đó, cấp sơ thẩm giao cho bà Tcăn nhà tình nghĩa, các công trình phụ gắn liền với đất là có căn cứ.

Ngoài phần đất cất nhà, bà Tyêu cầu chia di sản thừa kế là phần đất có công trình do bà xây cất thêm. Xét thấy yêu cầu này của bà là không có cơ sở. Bởi lẽ, ngoài phần đất ông Kcho cụ Pcất nhà diện tích 73,26m^2 thuộc hai thửa 2942, 1905 và phần đất làm sân trước nhà 16m^2 thuộc thửa 2942 thì phần đất còn lại thuộc quyền sử dụng hợp pháp của hộ ông Dương Anh K. Các công trình được bà Txây thêm sau khi cụ Pmất. Tuy nhiên, nếu buộc bà Tdỡ bỏ sẽ làm các ông trình này không còn giá trị sử dụng. Đồng thời, khi bà Txây cất, hộ ông Kcũng không có ý kiến phản đối. Do đó, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của hộ ông Kđối với quyền sử dụng đất cũng như bảo vệ quyền sở hữu tài sản cho bà T, cần buộc bà trả giá trị quyền sử dụng đất cho hộ ông Ktại thửa 1095. Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 01/3/2020, phần đất thửa 1095 bà Tsử dụng tổng cộng 192,5m^2, trong đó phần đất cất nhà được xem là di sản thừa kế có diện tích 29,96m^2 nên phần đất cây lâu năm còn lại bà Tphải hoàn trả bằng giá trị cho hộ ông Klà: 192,5m^2 - 29,96m^2 = 162,54 m^2 X 700.000 đồng/m^2 = 113.778.000đồng. Như vậy, bà Tyêu cầu chia thừa kế trọn

thửa 2492 và 192,5m^2 đất cây lâu năm thuộc thửa 1095 không được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Kiệt. Chấp nhận một phần kháng cáo của bà T, sửa một phần án sơ thẩm.

Giao cho bà Tđược quyền sở hữu các tài sản gồm:

- 01 căn nhà chính có diện tích 73,26m^2 [(13,8m x 4,2m) + (5,1m x 3m)]. Kết cấu: Cột bê tông đúc sẵn, vách tường tô 2 mặt, nền gạch men, mái tôn sóng vuông;

- 01 căn nhà liên kế có diện tích 35,88m^2 (13,8m x 2,6m). Kết cấu: Cột sắt, nền gạch men, mái tôn;

- Sân xi măng có diện tích 37,44m^2 (4,8 x 7,8m);

- 02 cây xoài loại B2; 03 cây dừa loại A; 01 cây dừa loại B2;

Giao cho bà Dương Hoài T quyền sử dụng phần đất diện tích 192,5 m^2, loại đất trồng cây lâu năm thuộc thửa số 1095, tờ bản đồ số 2, tọa lạc ấp Đ, xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang, có vị trí như sau:

+ Đông giáp đường bê tông;

+ Tây giáp thửa 1095;

+ Nam giáp thửa 1095;

+ Bắc giáp thửa 1095 và 2942.

Giao cho bà Dương Hoài T quyền sử dụng phần đất diện tích 59,3m^2, loại đất ở nông thôn thuộc thửa số 2942, tờ bản đồ số 2, tọa lạc ấp Đ, xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang, có vị trí như sau:

+ Đông giáp thửa 1095;

+ Tây giáp thửa 1095;

+ Nam giáp thửa 1095;

+ Bắc giáp phần còn lại thửa 2942.

(Có sơ đồ kèm theo)

Bà Tcó nghĩa vụ giao lại ông K01 suất thừa kế trị giá 11.890.285 đồng và giao cho hộ ông Kgiá trị quyền sử dụng đất thửa 1905 là 113.778.000 đồng.

Bà Tđược quyền đăng ký kê khai với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất.

Về kháng cáo yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00402 do UBND huyện C cấp ngày 07/11/2006 đứng tên Dương Anh K và bà Nguyễn Thị Thu O của bà Tlà không cần thiết nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Khi bà Tđăng ký quyền sử dụng đất, cơ quan Nhà nước có thẩm quyền sẽ thực hiện điều chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Kiệt.

[4] Về án phí: Bà T, ông Klà người cao tuổi nên ông, bà không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[5] Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[6] Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp một phần với nội dung nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 148, Điều 270, Điều 293, Điều 296, khoản 2 Điều 308, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Áp dụng Điều 26, Điều 166 Luật Đất đai.

Áp dụng Điều 166, Khoản 2 Điều 357, Điều 609, Điều 612, Điều 620, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 660 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Dương Anh K. Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Dương Hoài T.

Sửa một phần quyết định án sơ thẩm số 330/2020/DS-ST ngày 19/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Dương Anh K. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Dương Hoài T.

Xác định di sản của cụ Pnhư sau:

Tiền xây nhà tình nghĩa là: 15.000.000 đồng;

Giá trị quyền sử dụng đất: 68.232.000 đồng, gồm:

Thửa 2492 loại đất ở nông thôn, diện tích: 59,3m^2 X 800.000 đồng = 47.440.000 đồng;

Thửa 1095, loại đất trồng cây lâu năm trị giá: 29,96m^2 X 700.000 đồng = 20.792.000 đồng.

Tổng giá trị di sản của cụ P= 15.000.000 đồng + 68.232.000 đồng = 83.232.000 đồng.

Giá trị mỗi suất di sản thừa kế của cụ Pđược chia 83.232.000 đồng : 7 = 11.890.285 đồng.

Chia cho bà Dương Hoài T di sản của cụ Pvà một phần công sức quản lý, gìn giữ di sản tương đương 6/7 giá trị suất thừa kế của cụ Nguyễn Thị P là 71.341.714 đồng.

Chia cho ông Dương Anh K 1/7 suất thừa kế của cụ Nguyễn Thị P trị giá là 11.890.285 đồng.

Giao cho bà Dương Hoài T được sở hữu các tài sản sau:

- 01 căn nhà chính có diện tích 73,26m^2 [(13,8m x 4,2m) + (5,1m x 3m)]. Kết cấu: Cột bê tông đúc sẵn, vách tường tô 2 mặt, nền gạch men, mái tôn sóng vuông.

- 01 căn nhà liên kế có diện tích 35,88m^2 (13,8m x 2,6m). Kết cấu: Cột sắt, nền gạch men, mái tôn.

- Sân xi măng có diện tích 37,44m^2 (4,8 x 7,8m).

- 02 cây xoài loại B2; 03 cây dừa loại A; 01 cây dừa loại B2.

Giao cho bà Dương Hoài T quyền sử dụng phần đất diện tích 192,5 m^2, loại đất trồng cây lâu năm thuộc thửa số 1095, tờ bản đồ số 2, tọa lạc ấp Đ, xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang, có vị trí như sau:

+ Đông giáp đường bê tông;

+ Tây giáp thửa 1095;

+ Nam giáp thửa 1095;

+ Bắc giáp thửa 1095 và 2942.

Giao cho bà Dương Hoài T quyền sử dụng phần đất diện tích 59,3m^2, loại đất ở nông thôn thuộc thửa số 2942, tờ bản đồ số 2, tọa lạc ấp Đ, xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang, có vị trí như sau:

+ Đông giáp thửa 1095;

+ Tây giáp thửa 1095;

+ Nam giáp thửa 1095;

+ Bắc giáp phần còn lại thửa 2942.

(Có sơ đồ kèm theo)

Bà Tcó nghĩa vụ giao lại ông K01 suất thừa kế trị giá 11.890.285 đồng (mười một triệu tám trăm chín mươi ngàn hai trăm tám mươi lăm đồng) và giao cho hộ ông Dương Anh K giá trị quyền sử dụng đất thửa 1095 là 113.778.000 đồng (một trăm mười ba triệu bảy trăm bảy mươi tám ngàn đồng). Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng

bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bà Tđược quyền đăng ký kê khai với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm cho ông Kiệt, bà T. Hoàn lại cho ông Kso tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 01736 ngày 30/12/2019 của Chi cục Thi hành án huyện C.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C ;
- Chi cục THADS huyện C ;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA;
- Cổng thông tin điện tử:
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ánh Phương